

QUAN HỆ TRUYỀN GIÁO GIỮA MA CAO VÀ TRUNG QUỐC ĐẠI LỤC THỜI MINH - THANH

THANG KHAI KIẾN^(*)

Trên cơ sở tổng hợp những tư liệu hiện có trong hồ sơ văn hiến Trung Quốc và phương Tây, tác giả đã trình bày một cách có hệ thống về mối quan hệ truyền giáo giữa Ma Cao và Trung Quốc đại lục thời Minh – Thanh. Bài viết gồm 4 phần:

1. Ma Cao là trạm cung cấp hậu cần cho việc truyền giáo của các giáo hội Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc lục địa; 2 Ma Cao là cơ sở bồi dưỡng nhân tài quan trọng nhất cho sự nghiệp truyền bá Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc lục địa; 3. Ma Cao là nơi đưa Thiên Chúa giáo vào tín ngưỡng dân gian ở Trung Quốc lục địa; 4. Ma Cao là nơi bảo hộ và là viện điều dưỡng của các giáo sĩ truyền giáo Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc lục địa.

Do khuôn khổ của một bài tạp chí, Ban Biên tập xin trích đăng phần 3 và 4 của bài viết này để bạn đọc tham khảo.

BBT .

III. MA CAO LÀ NƠI ĐƯA THIÊN CHÚA GIÁO^(**) VÀO TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN Ở TRUNG QUỐC LỤC ĐỊA

Thời kì Minh- Thanh, Ma Cao không chỉ cung cấp số lượng lớn các nhân tài truyền giáo vào giáo phận Trung Quốc, mà còn là khu vực quan trọng đưa Thiên Chúa giáo vào Lục địa. Tuy nhiên thời kì đó tín đồ Thiên Chúa giáo ở nơi nào do giáo sĩ truyền giáo ở nơi đó đứng ra làm lễ rửa tội, nhưng cũng có một số tín đồ tự mình đến tận Ma Cao để làm lễ rửa tội. Dân chúng Trung Quốc lục địa bắt đầu đến Ma Cao làm lễ rửa tội vào cuối thế kỉ XVI. *Ghi chép của Matteo Ricci ở Trung Quốc có viết:*

“Người Trung Quốc đến Ma Cao buôn bán lương thực, không ít người đã từ bỏ bóng tối của các tôn giáo

khác để về với ánh sáng của Thiên Chúa giáo”⁽¹⁾.

Ba cha con người Tân Hội, Quảng Đông là Chung Niệm Sơn và 2 con Chung Minh Nhân, Chung Minh Lễ đã đến Ma Cao rửa tội vào thời kì này⁽²⁾. Còn có một người Trung Quốc đại lục, tên Thánh của là “Apostate”, ở cách xa Ma Cao 30 ngày đường cũng đến Ma Cao rửa tội. Sau đó ông trở thành giáo sĩ truyền giáo cho người Hoa ở Ma Cao, và đã có một số người đến rửa tội⁽³⁾. Năm Thiên Khởi thứ nhất (1621), Trịnh Chi Long người An Bình đã đến Ma Cao làm lễ rửa tội, lấy tên thánh là Nicolas

*. GS. Đại học Kế Nam, Quảng Châu, Trung Quốc.

**.. Theo cách dịch của người Trung Quốc, Thiên Chúa giáo ở đây được hiểu là Công giáo, vì tôn trọng nguyên bản của tác giả, chúng tôi giữ nguyên cách gọi này.

Gaspard⁽⁴⁾. Rất nhiều người dân Trung Quốc do muốn được làm ăn thuận lợi ở Ma Cao nên cũng tập nập kéo nhau đến Ma Cao xin làm lễ rửa tội. Thời Thiên Khởi Trần Hy Xương nói:

“Lại có người Hoa tiếp tế tay chân, ... sống lang thang ở áo Trung, nói là không thể kết hợp với người nước ngoài, nhưng khi được lợi từ người nước ngoài, thì nói theo người nước ngoài, mặc theo người nước ngoài, tập theo tôn giáo của người nước ngoài, cuối cùng sống cùng một nhà với người nước ngoài”⁽⁵⁾.

Do ngày càng có nhiều người Trung Quốc lục địa đến Ma Cao rửa tội, nên ở Ma Cao đã xây dựng một nhà thờ người Hoa, “chuyên giảng Phúc âm cho người Hoa”⁽⁶⁾. Nhà thờ này có tên là nhà thờ A Ba La, hay còn gọi là Đường Nhân Tự (Chùa người Đường). Vào cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh, triều đình Trung Quốc chưa có một điều luật cụ thể về việc cấm dân chúng Trung Quốc lục địa đến Ma Cao nhập đạo, do đó ở thời kì này người Trung Quốc lục địa đến Ma Cao nhập đạo rất nhiều. Trương Nhữ Lâm trong *Tấu xin đóng cửa Chùa Đường Nhân* có ghi:

“Người Đường vào đạo có 2 loại, một loại vào đạo ở Ma Cao, một loại cứ hằng năm đến Ma Cao vào đạo một lần. [...] Hàng năm trước tết Thanh minh 10 ngày, ăn chay 49 ngày, gọi là “phong chay”. Thời gian làm lễ là vào những ngày chẵn như Đông chí, Hạ chí, người đi lễ ở các huyện lân cận như Nam, Phan, Đông, Thuận, Tân, Hương nối gót nhau đến,

trong đó có cả người ngoài tỉnh, người Tử Nê Thuận Đức là đông nhất”⁽⁷⁾.

Trương Chấn Đào trong *Bản về việc chế ngự người nước ngoài ở Ma Cao* cũng viết:

“Ở Ma Cao có một ngôi miếu Người Đường, những tín đồ người Đường đều vào ngôi miếu này lễ bái, tín đồ vùng ven biển như Hương Sơn, Thuận Đức, Tân Hội, Đông Hoàn, Nam Hải... nhiều người theo đạo này”⁽⁸⁾.

Do người từ Lục địa sang Ma Cao theo đạo ngày càng đông, nên khoảng năm 1602 ở Ma Cao đã xây thêm một Nhà thờ nhỏ chuyên để giảng Phúc âm cho người Hoa, năm 1634 trùng tu, năm 1679 mở rộng thêm, năm 1719 lại “trùng tu mở rộng”⁽⁹⁾. Việc miếu Đường Nhân ở Ma Cao năm lần bảy lượt được trùng tu mở rộng hơn chứng tỏ vào cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh việc vào đạo ở Ma Cao đã có một quy mô lớn. Những người nổi tiếng theo đạo, tiến chuông thời kì này ở Ma Cao có Long Thượng Bảo người Hàng Châu, theo đạo năm 1686 ở Ma Cao; Ngô Lịch, người Thường Thục, theo Dòng Tên ở Ma Cao năm 1681; Lục Hy Ngôn, người Hoa Đình, theo Dòng Tên ở Ma Cao năm 1682; Lý Mã Bảo, người Trung Quốc lục địa theo Dòng Tên ở Ma Cao năm 1734; Trần Thánh Tu, người Quảng Châu tiến chuông ở Ma Cao năm 1738; Dương Phương Tế, người Nam Kinh, học ở Ma Cao năm 1737; Trần Đa Lộc, người Tô Châu, tiến chuông ở Ma Cao năm 1740; Thôi Bảo Lộc, người Thiểm Tây, năm 1749 đến Ma Cao học tu sĩ ở Viện sơ tu;

Ngải Nhược Vọng (Cầu Tam), người Giang Tây, năm 1743 học sơ tu sĩ ở Viện sơ tu Ma Cao; Lý An Đức, Đường Hoài Nhân người Thiểm Tây, năm 1709 gia nhập Dòng Thừa sai Paris ở Ma Cao. Trước năm 1746 bố con nhà họ Lâm và Lý Mỗ ủng người Trung Quốc lục địa cũng đến miếu Đường Nhân ở Ma Cao để rửa tội theo đạo⁽¹⁰⁾. Việc người dân Trung Quốc đến Ma Cao theo đạo đã khiến triều đình Ung Chính phải quan tâm, năm Ung Chính thứ 7 (1729) Tiêu Kỳ Niên quan trông coi phong tục tập quán tỉnh Quảng Đông đã vâng lệnh triều đình đi tuần thị hai tỉnh Quảng Đông và Ma Cao, đầu tiên là đến Thiệu Quan, tiếp đến Lô Châu, Hạ Châu sau cùng là Ma Cao, mục đích chủ yếu là chỉnh đốn lại phong tục tập quán của vùng Quảng Châu, cấm Thiên Chúa giáo truyền giáo: “Người phương Tây lập nhà thờ Thiên Chúa giáo, khiến cho tín đồ kéo đến Ma Cao”⁽¹¹⁾. Trong khi đó nhà thờ Thuận Đức cũng gặp nạn. Quyển 32 *Huyện chí huyện Thuận Đức* có ghi:

“Nay phía cửa Đông huyện Thuận Đức có nhà thờ Thiên Chúa giáo, không biết được lập từ bao giờ, sách cũ không thấy ghi lại, xưa nay quan phủ vẫn đối đãi theo lễ khách. Sau này đến thời Ung Chính, quan trông coi phong tục tập quán là Tiêu Kỳ Niên ghét bỏ, cho là tôn giáo này làm rối loạn dân chúng, lấy Phúc Kiến làm ví dụ: Nơi nào có nhà thờ Thiên Chúa giáo, đều bị trục xuất, dỡ bỏ nhà thờ”⁽¹²⁾.

Nhưng lần này vẫn chưa đưa ra được lệnh cấm dân chúng Đại lục

sang Ma Cao theo đạo. Đến năm Càn Long thứ 9 (1731) khi Phan Tư Cử quan án sát Quảng Đông dâng sớ mới chính thức đề cập tới vấn đề này:

“Người nước ngoài ở Ma Cao càng thêm mê hoặc dụ dỗ dân chúng theo đạo, [...] tuy Quan Đốc phủ đã tiến hành nghiêm cấm, quan lại cũng nỗ lực chỉnh đốn, xem xét khắp nơi, song không có người chuyên trách, nên khó có thể kiểm tra đầy đủ”⁽¹³⁾.

Vấn đề đã được nêu ra, nhưng chưa được giải quyết. Đến năm Càn Long thứ 11 (1746) khi Trương Nhữ Lâm nhận chức Đồng Tri ở Ma Cao:

“Ma Cao có các chùa của người nước ngoài biệt lập với nhà thờ Thiên Chúa giáo, có tên là miếu Đường Nhân, chuyên dẫn dụ người Đại lục ra nhập đạo, việc này pháp luật đang cấm, cần phải đóng cửa ngay”⁽¹⁴⁾.

Tháng 2 năm Càn Long thứ 12 huyện Hương Sơn chính thức ban lệnh cấm:

“Đến cả những người dân ở các huyện lân cận dám tự đến Ma Cao hành lễ, hoặc gia đình nhà nào vẫn học theo Thiên Chúa giáo dụ dỗ dân chúng theo đạo, lập tức kẻ đó sẽ bị xử lí theo pháp luật, chắc chắn phải chịu tội không được tha. [...] Đến cả những người nước ngoài ở Ma Cao cũng không được phép dụ dỗ dân chúng Lục địa ở Ma Cao theo đạo, nếu tự tiến hành truyền giáo sẽ bị đóng cửa”⁽¹⁵⁾.

Trong *Chương trình ràng buộc Ma Cao* năm Càn Long thứ 14 viết:

“Cấm xây nhà thờ theo đạo. Những người nước ngoài thuộc đạo này ở

Ma Cao có thể học Thiên Chúa giáo, nhưng không được phép truyền dạy cho người Hoa, dù dỗ họ theo đạo, làm tổn hại phong tục tập quán, những người nước ngoài này phải theo chế độ bảo giáp (đăng kí hộ tịch), phải kiểm tra từng hộ, không cho phép người Hoa gia nhập vào Thiên Chúa giáo. Nếu dám cố ý vi phạm, xây nhà thờ đạo sẽ bị trục xuất khỏi Ma Cao⁽¹⁶⁾.

Sau lần chinh đốn này, số người Lục địa đến Ma Cao theo đạo đã giảm xuống rất nhiều, nhưng vẫn chưa thể cấm triệt để. Năm Càn Long thứ 15, Trương Chấn Đào huyện lệnh huyện Hương Sơn nói:

“Dân chúng trong huyện Hương Sơn, xưa nay vẫn đến chùa Đường Nhân lễ bái. Đối quần áo giống người nước ngoài, chùa Đường Nhân đã bị đóng cửa, nay lại nghe nói nó vẫn chưa bị cấm triệt để, chỉ áp dụng đối với những người vào chùa Đường Nhân, còn vào chùa Tam Ba thì chẳng có dấu tích gì⁽¹⁷⁾.”

Những người về sau đến Ma Cao theo đạo còn để lại họ tên là: Trần Bảo Lộc, người Giang Tây, theo đạo ở Ma Cao năm 1766; Lưu Đa Minh Ngã, người Thiểm Tây, học đạo ở Ma Cao trước năm 1762; Cố Sĩ, người Tân Hưng, Quảng Đông và Ngô Diêm Quảng, người Phúc Kiến, theo đạo ở Ma Cao năm 1765⁽¹⁸⁾. Đến thời Gia Khánh, người dân Đại lục đến Ma Cao theo đạo lại có chiều hướng tăng lên. *Nhân Tôn Gia Khánh thực lục* quyển 152 có ghi:

“Ở Ma Cao, thuyền bè nước ngoài qua lại, họ mở rộng buôn bán và cấu

kết với người dân trong vùng, bắt đầu có thể dụ dỗ dân chúng truyền giáo⁽¹⁹⁾.”

Cũng trong *Nhân Tôn Gia Khánh thực lục* quyển 284 có ghi lại chuyện năm Gia Khánh thứ 19:

“Rất nhiều người dân Quảng Đông bí mật theo đạo, phụ nữ huyện Hương Sơn cũng theo đạo rất đông. [...] vùng Hương Sơn, Ma Cao, [...] gần đây bắt đầu truyền bá Thiên Chúa giáo, e rằng để lâu sẽ thành họa lớn⁽²⁰⁾.”

Tài liệu tiếng Trung lưu giữ tại Viện Hồ sơ tháp Đông Ba cũng ghi chép về chuyện này. Hồ sơ số 1046 ngày 16 tháng 4 năm Gia Khánh thứ 17 (1812) ghi:

“Huyện Hương Sơn điều tra ra việc thanh niên nam nữ ở khắp nơi đến Ma Cao theo đạo, vào nhà thờ lễ bái, đây là việc làm trái với luật định⁽²¹⁾.”

Hồ sơ số 1047 ngày 30 tháng 7 năm Gia Khánh thứ 17 ghi:

“Trong khi điều tra người nước ngoài thờ Thiên Chúa giáo, phát hiện thấy người Đại lục cũng bí mật theo học đạo⁽²²⁾.”

Hồ sơ số 1048 ngày 3 tháng 2 năm Gia Khánh thứ 19 (1814) ghi:

“Rất nhiều người Quảng Đông bí mật theo đạo, nhiều phụ nữ huyện Hương Sơn cũng nhập đạo⁽²³⁾.”

Hồ sơ số 1051 ngày 29 tháng 7 năm Gia Khánh thứ 19 ghi:

“Điều tra gần đây được biết có chuyện người Hoa tự học Thiên Chúa giáo, họ là cư dân sống ở Ma Cao, hoặc là cư dân ở các huyện lân cận,

bị một số kẻ xấu dụ dỗ đến Ma Cao, đọc kinh và đi lễ nhà thờ⁽²⁴⁾.

Trong thời kì này những người ở Đại lục đến Ma Cao theo đạo tương đối nhiều, như Trương Thiện Đài, Kim Thế Đạt và hai người chú của Thẩm Ôn Huy ở khu vực Giang Nam cùng với Trần Nhược Vọng người Tân Hội, Quảng Đông đều theo đạo ở Ma Cao⁽²⁵⁾. Hồ sơ tháp Đông Ba số 1053 “những lời khai của Tạ Ngọc về giáo sĩ Trung Quốc” có ghi lại tình hình cụ thể việc mọi người đến Ma Cao theo đạo lúc đó:

“Tạ Ngọc khai: [...] tiểu nhân thấy không có người truyền đạo, [...] tháng 3 năm Gia Khánh thứ 17 đến Ma Cao, vì mắc bệnh nên sống ở nhà thờ Tiểu Tam Ba, một giáo sĩ phương Tây tên là Angshalu chuyên truyền giáo cho người Hoa đặt cho tôi tên Thánh là Badilizhan, tôi quản lí tất cả những tín đồ người Quảng Đông. Tất cả có 8 người là người Triệu Khánh, Tân Hội, Khai Bình, họ đều đã từng truyền giáo, hiện tại làm những công việc trồng vườn, bếp núc. Người ngoại tỉnh tiếp theo là người Tô Châu mang họ Thẩm, người này cũng đã vào đạo, ông ta cùng một số người quản lí thư tín. Hiện nay trong nhà thờ Tiểu Tam Ba có 3 người Trực Lệ, 3 người Sơn Thiểm, họ đều theo đạo mặc áo choàng và đều trên 30 tuổi. Trong tháng 7 năm ngoái, có một người họ Hoàng ở Phúc Kiến dẫn một số người đến nhà thờ, sau đó không thấy nữa. Bây giờ trong nhà thờ Tiểu Tam Ba không có người Giang Tây, Phúc Kiến. Tiểu nhân chỉ giảng kinh truyền giáo trong nhà

thờ Tiểu Tam Ba, quả thực chưa bao giờ ra ngoại tỉnh và các nơi khác để hành đạo⁽²⁶⁾.

Có thể thấy rõ, đến thời Gia Khánh người ở Đại lục đến Ma Cao để theo đạo rất đông và rầm rộ. Trong cuốn *Lịch sử Ma Cao tảo kì* của A.Ljungstede còn ghi lại một chuyện như sau:

“Vượt qua một vùng nước ở cổng sau, bên trái có một dãy nhà lán sơ sài, [...] ở đó xây một dãy nhà đầu tiên cho giáo dân mới vào đạo ở, số người này do một giáo sĩ Dòng Augustine Tây Ban Nha tập hợp lại năm 1809, số người này khoảng 300-400 người Trung Quốc, họ tụ tập lại và theo Thiên Chúa giáo là để thách thức lệnh cấm của triều đình nước này, từ đó dẫn đến việc triều đình bức hại họ. Năm 1814 đội ngũ quan viên địa phương của Trung Quốc đã bao vây số người này, một số người bị bắt, số còn lại thì bỏ chạy. Hiện nay tín đồ mới và tín đồ cũ sống chung với nhau⁽²⁷⁾.

Chỉ tính một lần đã có ba bốn trăm người Trung Quốc lục địa đến Ma Cao theo đạo, điều này cho thấy thời Gia Khánh người đến Ma Cao theo đạo quả thực không ít, vì vậy vào năm Gia Khánh thứ 19 (1814) một lần nữa triều đình nhà Thanh lại phải ban bố lệnh cấm người dân ở Đại lục đến Ma Cao theo đạo:

“Người phương Tây ở Ma Cao hành đạo Thiên Chúa giáo, đã mê hoặc dụ dỗ người dân Lục địa theo đạo, tác hại rất nghiêm trọng. Nay thuận theo ý trên ra lệnh nghiêm cấm người dân tự ý truyền giáo,

đồng thời nếu điều tra ra được những người Sơn Tây trước đây đến Ma Cao buôn bán dụ dỗ người khác vào đạo sẽ bị nghiêm trị⁽²⁸⁾.

IV. MA CAO LÀ NƠI BẢO HỘ VÀ LÀ VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CỦA CÁC GIÁO SĨ TRUYỀN GIÁO THIÊN CHÚA GIÁO Ở TRUNG QUỐC LỤC ĐỊA

Thời kì Minh- Thanh các giáo sĩ truyền giáo phương Tây đến Trung Quốc lục địa truyền giáo phải chịu muôn vàn khó khăn và nguy hiểm, có thể nói nếu không có một tinh thần hi sinh quên mình thì không thể làm giáo sĩ truyền giáo trong điều kiện lúc bấy giờ. Hai khó khăn lớn nhất mà giáo sĩ truyền giáo gặp phải là: bệnh tật dày vò và sự đàn áp của chính phủ Trung Quốc, mà Ma Cao chính là nơi lí tưởng nhất để các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc lục địa nghỉ ngơi thư giãn và giải quyết hai vấn đề nêu trên.

1. Ma Cao là nơi dưỡng bệnh lí tưởng của các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc lục địa

Vấn đề khó khăn đầu tiên mà các giáo sĩ truyền giáo phương Tây đến Trung Quốc lục địa truyền giáo gặp phải là không quen với khí hậu và hoàn cảnh tự nhiên ở đây, cộng thêm điều kiện vệ sinh ở Trung Quốc lục địa lúc đó còn kém, đặc biệt là ở nông thôn và miền núi kinh tế tương đối lạc hậu, và các nguyên nhân khác, rất nhiều Hội truyền giáo ở vào tình trạng không đủ kinh phí truyền giáo, vật tư cung cấp không đủ, thường xuyên thiếu thốn những loại thuốc và dụng cụ y tế, các giáo sĩ truyền giáo không đủ ăn. Vì vậy các

giáo sĩ truyền giáo sau khi đến Trung Quốc lục địa rất nhiều người mắc bệnh, thậm chí một số người đã chết khi còn rất trẻ⁽²⁹⁾. Tất nhiên đa số những giáo sĩ truyền giáo mắc bệnh thông thường đều được chữa trị ở những cơ sở y tế, nhưng nếu gặp phải bệnh nặng, hoặc trong trường hợp nơi đó không có bác sĩ và thuốc trị bệnh, thì chuyển người bệnh đến Ma Cao để chữa trị, đó là chuyện thường gặp lúc bấy giờ. Theo thống kê sơ lược của Matteo Ricci, Louis Pfister và Joseph Dehergne: có hơn chục giáo sĩ Dòng Tên mắc bệnh ở Trung Quốc đại lục chuyển đến Ma Cao chữa trị và nghỉ ngơi an dưỡng như các giáo sĩ Andre Thony, Sorues Rocha, Jérôme Rodriguez, Alvare de Semedo, Peter Primare, Henry Riggs ... người Bồ Đào Nha, các giáo sĩ người Italia như Lazarus Cattaneo, Henry Ruggieri, Antoine Thomas Farel, Louis, Francisco de Farel, các giáo sĩ người Pháp như Buwenji, Kenmengde, Jean de Newman, Chuanande, một giáo sĩ người Litva là Liluwa và các tu sĩ người Trung Quốc như Hoàng Minh Sa, Đồng Minh Lễ, v.v...⁽³⁰⁾.

Mười mấy người trên chỉ là một bộ phận nhỏ được ghi lại, những người không được ghi lại thì rất nhiều, điều này cho thấy Ma Cao thực sự trở thành nơi dưỡng bệnh chủ yếu của các giáo sĩ truyền giáo vào Trung Quốc.

Từ cuối thế kỉ XVI ở Ma Cao đã xây dựng một bệnh viện Tây Y hiện đại lấy tên là Hospital de S. Rafael, tên thông thường là bệnh viện Bạch

Mã Hạnh và còn gọi là “Y Nhân Miếu”⁽³¹⁾, do Tổng Giám mục Ma Cao Melchior Carneir xây dựng năm 1569. Năm 1623 Diogo Caldeira Rego có ghi:

“Nhà thờ Từ Phổ bỏ tiền ra xây 2 bệnh viện, luôn tiếp nhận rất nhiều bệnh nhân, trong đó có người Bồ Đào Nha, người ở địa phương và người ở các nơi khác, tất cả người bệnh đều nhận được sự chăm sóc nhiệt tình và quan tâm chu đáo của bệnh viện”⁽³²⁾.

Hai bệnh viện trên là bệnh viện S. Rafael và bệnh viện Vọng Đức Đường, ngoài ra Dòng Phanxico cũng xây một cơ sở Y tế ở Ma Cao: “Khoảng từ năm 1672 đến năm 1678 có một tu sĩ người Tây Ban Nha sống trong Tu viện Phanxico tên là Braz Gareia đã mở một phòng thuốc và hành nghề y tại đó”⁽³³⁾.

Bệnh viện Dòng Phanxico còn thấy ghi trong hồ sơ tiếng Trung, năm Càn Long thứ 50 (1785), Thư Thường Tổng đốc lương Quảng tấu rằng: “Theo lời khai của Seng Mating, người Philippin, năm 67 tuổi hành nghề y ở nhà thờ Phanxico hơn 30 năm”⁽³⁴⁾.

Lược kí Ma Cao có ghi: “Ở Ma Cao có một bác sĩ người phương Tây tên là Antoni, rất giỏi ngoại khoa”⁽³⁵⁾.

Có thể thấy rằng Ma Cao thực sự là nơi có điều kiện y tế tốt nhất Trung Quốc lúc bấy giờ, hơn nữa Ma Cao gần biển gần núi, phong cảnh yên tĩnh, đúng là nơi lí tưởng để nghỉ ngơi dưỡng bệnh. Do đó có rất nhiều giáo sĩ truyền giáo đã đến Ma Cao sống những năm cuối đời. Điều

này được chứng minh bởi một số lượng lớn những ngôi mộ của các giáo sĩ truyền giáo Châu Âu trước đó truyền giáo ở Trung Quốc nhưng lại qua đời ở Ma Cao. Những tài liệu này có trong *Truyện đạo học gia, Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục* và *Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục bổ sung*, có thể nói là đầu đầu cũng có⁽³⁶⁾. Còn một điều cần phải bổ sung là phần lớn các giáo sĩ đến Ma Cao chữa bệnh, sau khi khỏi bệnh lại quay về Trung Quốc đại lục tiếp tục truyền giáo⁽³⁷⁾, họ đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp truyền bá Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc lục địa.

2. Ma Cao là nơi bảo hộ an toàn cho các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc lục địa

Từ cuối đời nhà Minh đến trước thời kì Chiến tranh Thuốc phiện, chính sách đối với việc truyền bá Thiên Chúa giáo vào Trung Quốc của triều đình Minh- Thanh tuy có vẻ tương đối lỏng lẻo, nhưng nói một cách toàn diện, về cơ bản vẫn áp dụng chính sách từ chối và khống chế Thiên Chúa giáo, đến thời kì sau thì càng thắt chặt hơn, thậm chí đàn áp một cách tàn khốc, như trong *Nhân tôn Gia Khánh thực lục* có ghi:

“Thiên Chúa giáo làm suy giảm đạo đức luân lí, thậm chí còn hãm hại người tài, nếu chỉ người phương Tây tự theo tôn giáo này, thì không liên quan đến chúng ta, nhưng nếu truyền dạy cho dân chúng bản địa, là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quốc gia, thậm chí còn nguy hại nghiêm trọng hơn Bạch Liên giáo,

há có thể không suy xét thấu đáo được chăng? Nay thông báo rộng rãi để mọi người được biết, đặc biệt là những thương nhân ở vùng ven biển và người Phương Tây đến Quảng Đông buôn bán, nếu dân chúng Trung Quốc theo đạo Thiên Chúa giáo, quan địa phương lập tức bắt để tra hỏi, trị tội thật nặng, nếu người phương Tây dụ dỗ dân chúng bản địa theo đạo cũng bị bắt và xử tội nặng như vậy, mọi người cần phải tuân thủ pháp luật, để dập tắt tà thuyết, nay ban lệnh để mọi người được biết”⁽³⁸⁾.

Trước tình hình triều đình nhà Minh- Thanh áp dụng chính sách chủ đạo này, hiện tượng đánh phá và đàn áp Thiên Chúa giáo truyền giáo lúc nào cũng có. Theo thống kê, chỉ riêng thời nhà Minh đã có hơn 54 vụ trục xuất các giáo sĩ truyền giáo⁽³⁹⁾. Đến triều nhà Thanh quy mô đánh phá Thiên Chúa giáo càng ngày càng lớn, rất nhiều giáo sĩ truyền giáo Châu Âu bị các hình phạt tàn khốc, chết trong nhà tù, hàng ngàn giáo dân Trung Quốc bị xử tội chết, có người chết trong giam cầm⁽⁴⁰⁾. Tình hình thực tế còn nhiều hơn. Các giáo sĩ truyền giáo ở các địa phương trong cả nước đều đứng trước nguy hiểm là bị các cấp chính quyền truy bắt. Trước tình hình đó, thì Ma Cao nơi mà triều đình nhà Thanh cho phép tự do truyền giáo đã trở thành nơi bảo hộ chính trị, trốn tránh giáo nạn an toàn nhất của các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc lục địa.

Đến Ma Cao để lánh nạn chính trị có hai loại: một là, tự mình đến Ma

Cao lánh nạn để trốn tránh sự vây bắt và bức hại của quan phủ; hai là, bị triều đình nhà Minh- Thanh bắt và áp giải đến Ma Cao. Những người thuộc trường hợp thứ nhất: năm 1587 Đô đốc Quảng Đông đã chiếm lấy ngôi nhà kiến trúc theo kiểu Châu Âu mà Matteo Ricci xây dựng cho “các linh mục bị bắt quay trở lại Ma Cao”⁽⁴¹⁾. Năm 1638, giáo nạn xảy ra ở Phúc Châu, Emmanuel Diaz giáo sĩ truyền giáo quốc tịch Bồ Đào Nha vừa đến Phúc Châu đã buộc phải quay lại Ma Cao lánh nạn⁽⁴²⁾. Cũng trong khoảng thời gian này La Văn Thao, giáo sĩ truyền giáo người Trung Quốc, dẫn 3 linh mục Dòng Phanxico đến Ma Cao lánh nạn⁽⁴³⁾. Năm 1640, tình hình chống đối Thiên Chúa giáo ở đảo Hải Nam lên đến cao trào, Linbesu, giáo sĩ Bồ Đào Nha, “quay lại Ma Cao lánh nạn”⁽⁴⁴⁾. Năm 1651 Franciscus Furtado, giáo sĩ Bồ Đào Nha, “Quay lại Ma Cao trong tình cảnh rất khó khăn”⁽⁴⁵⁾. Năm 1665 Manuel de Frank giáo sĩ người Pháp truyền giáo ở Hồ Quảng “không thể sống yên ổn” phải quay về Ma Cao lánh nạn. Những người quay về Ma Cao lánh nạn trong năm đó còn có: Jacques le Laks, Joseph de Young, Luogeba, v.v...⁽⁴⁶⁾ Năm 1729 trong khi lánh giáo nạn, Mengdiyi, giáo sĩ Bồ Đào Nha, lúc đầu trốn ở Thượng Hải nhưng sau đó bị phát giác, đuổi “chạy về Ma Cao” lánh nạn⁽⁴⁷⁾. Cũng năm đó còn có Jean de Newman, Guofangji là giáo sĩ Bồ Đào Nha đến Ma Cao lánh nạn. Trong khoảng thời gian giáo nạn từ năm 1746 đến năm 1748, theo “lệnh bắt khẩn cấp của quan phủ” giáo sĩ Anmaraddeer

người Bồ Đào Nha bị “đuổi về Ma Cao”⁽⁴⁸⁾. Năm 1784 khi giáo nạn lan ra khắp cả nước có một nhân vật vô cùng quan trọng đó là Thái Bá Đa Lộc, giáo sĩ người Hoa, đã chạy đến “vùng Ma Cao, Quảng Đông”⁽⁴⁹⁾.

Những người đến Ma Cao lánh nạn thuộc trường hợp thứ hai cũng tương đối nhiều. Vụ án tôn giáo ở Nam Kinh năm 1616 là lần giáo nạn lớn nhất mà triều đình nhà Thanh phát động. Lúc đó “các linh mục trong ngoài thành đều bị trục xuất”⁽⁵⁰⁾. Sabbathin de Ursis và Pantoja Jacques de Didacede bị đuổi từ Bắc Kinh về Quảng Đông rồi bị áp giải sang Ma Cao. Emmanuel Diaz, Alphonse Vognoni, Alvare de Semedo thì bị đuổi từ Nam Kinh đến Quảng Châu rồi bị áp giải đến Ma Cao⁽⁵¹⁾. Năm Khang Hy thứ 47 (1708) Triều đình nhà Thanh ban bố lệnh về chế độ linh phiếu truyền giáo, một số giáo sĩ truyền giáo từ chối nhận phiếu bị triều đình nhà Thanh xua đuổi, sau đó bị áp giải sang Ma Cao, tổng cộng có: Francois de Montigny, Francois le Breton, Heyi, Mutianchi, Lianghuiren, Bassel là các giáo sĩ người Pháp; Shitiren, Laohongna là các giáo sĩ quốc tịch Italia; Bartolomen Carvalho, Tomas Croguer, Francisco Cantero, Antonio Diaz, Francisco Gonzales de San Pedro, Juan Caballeroy Esquivel, Juan Astudrillo, Francisco Caballero, v.v... là các giáo sĩ quốc tịch Tây Ban Nha⁽⁵²⁾; Năm 1707 còn có Andaoyi, Juliangshi, Joseph de Viegas quốc tịch Bồ Đào Nha và Jiajialu quốc tịch Italia... bị áp giải đến Ma Cao⁽⁵³⁾. Năm

1717, giáo sĩ Sunuoyi người Bồ Đào Nha bị “Lưu đầy đến Ma Cao”⁽⁵⁴⁾.

Tháng 7 năm Ung Chính thứ nhất, xảy ra vụ án tôn giáo ở Phúc An, “tra ra hai người phương Tây, theo luật phải đưa về Ma Cao, Quảng Đông”⁽⁵⁵⁾. Khi ban bố Lệnh cấm giáo nghiêm ngặt mang tính toàn quốc, năm 1724, Muezdong, giáo sĩ người Italia, lẩn trốn ở khắp nơi mà vẫn bị phát giác và bị đuổi đến Ma Cao; Cũng năm 1724 còn có Busel, giáo sĩ người Pháp, bị đuổi đến Ma Cao còn Joseph de Young, giáo sĩ người Bồ Đào Nha, thì bị đuổi đến Ma Cao năm 1726⁽⁵⁶⁾.

Sau vụ án tôn giáo ở Quảng Châu năm Ung Chính thứ 10 (1732) chính quyền Quảng Đông đã áp giải 30 giáo sĩ truyền giáo phương Tây ở Quảng Châu đến Ma Cao⁽⁵⁷⁾. Trong đó có 10 giáo sĩ Dòng Tên quốc tịch Pháp, 3 giáo sĩ Dòng Tên quốc tịch Bồ Đào Nha, 8 giáo sĩ Dòng Phanxico quốc tịch Tây Ban Nha, 3 giáo sĩ Dòng Đa Minh quốc tịch Tây Ban Nha, 3 người thuộc Bộ Truyền giáo của Toà Thánh Vatican. Họ đều là những giáo sĩ truyền giáo bị triều đình nhà Thanh áp giải đến Ma Cao năm 1732, nhưng chỉ tìm thấy 29 người, còn một người chưa biết họ tên⁽⁵⁸⁾.

Năm Càn Long thứ 11 (1746) lại nổ ra vụ án tôn giáo ở Phúc An, giáo nạn cũng lan ra khắp cả nước, các giáo sĩ truyền giáo ở khắp nơi liên tiếp bị bắt, trừ một số ít bị xử tội chết, còn lại đều bị đưa đến Ma Cao. Năm 1746, Baixiyi và Shinaide, giáo sĩ Dòng Phanxico, bị bắt ở Sơn Tây rồi áp giải về Ma Cao⁽⁵⁹⁾. Năm 1748,

Ngải Nhược Vọng (Cầu Tam), giáo sĩ quốc tịch Trung Quốc, bị bắt ở Giang Tây giải về Ma Cao⁽⁶⁰⁾. Năm 1754, Hefeixi thuộc Dòng Thừa Sai Paris và Lyshifu, giáo sĩ Dòng Phanxico, bị bắt giải về Ma Cao. Năm 1755, Baokeri, giáo sĩ Dòng Phanxico ở Hán Trung, bị bắt đưa đến Ma Cao⁽⁶¹⁾. Năm 1756, Joseph Lam, Manuel Wei, D.N. Fay, Antone Thomas, Joseph de Lins, giáo sĩ Dòng Tên quốc tịch Bồ Đào Nha, sau khi ra tù bị áp giải đến Ma Cao⁽⁶²⁾; Năm 1759, Guopoernasu (Cangbona), giáo sĩ Dòng Phanxico, bị bắt giải về Ma Cao⁽⁶³⁾; Năm 1766, Zhongxiao, giáo sĩ Dòng Phanxico, bị bắt ở Quảng Đông giải về Ma Cao. Năm 1769, giáo sĩ phương Tây là Fanruose và Zhaoyesheng bị bắt ở Quảng Đông giải về Ma Cao⁽⁶⁴⁾. Khi giáo nạn xảy ra trên toàn quốc năm 1784, hai linh mục Fengruowang và Liduolin thuộc Dòng Thừa Sai Paris đều bị bắt ở Tứ Xuyên, sau đó bị áp giải về Ma Cao năm 1785⁽⁶⁵⁾.

Từ những tư liệu kể trên cho ta thấy, mỗi khi ở Trung Quốc xảy ra giáo nạn dù lớn hay nhỏ, đều có rất nhiều giáo sĩ truyền giáo Châu Âu chủ động hoặc bị động đến Ma Cao. Họ ở Ma Cao nghỉ ngơi dưỡng bệnh, đợi thời cơ, tránh làn sóng cấm Thiên Chúa giáo, khi thời cơ chín muồi, họ lại từ Ma Cao quay về Trung Quốc truyền giáo, tiếp tục phát triển sự nghiệp Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc.

V. TỔNG KẾT

Từ những điều trên chúng ta có thể thấy rõ Ma Cao là cơ sở truyền giáo vào Trung Quốc của Thiên Chúa giáo thời Minh - Thanh. Ngoài việc không ngừng đưa các giáo sĩ truyền giáo đến Trung Quốc ra, Ma Cao còn có quan hệ chặt chẽ với sự nghiệp phát triển Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc đại lục ở 5 lĩnh vực sau:

1- Ma Cao là nơi cung cấp hậu cần như cung cấp kinh phí và vật dụng truyền giáo... cho việc truyền bá Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc lục địa.

2- Ma Cao là nơi đào tạo các giáo sĩ truyền giáo cho Trung Quốc lục địa, bao gồm cả việc học tiếng Hán của các giáo sĩ phương Tây.

3- Ma Cao là nơi các giáo dân ở Trung Quốc đại lục đến để vào đạo.

4- Ma Cao là nơi nghỉ ngơi dưỡng bệnh lí tưởng của các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc đại lục.

5- Ma Cao là nơi bảo hộ an toàn về chính trị cho các giáo sĩ truyền giáo khi Trung Quốc ra lệnh cấm truyền giáo.

Tóm lại: Ma Cao là nơi chuẩn bị cung cấp đầy đủ cả 2 yếu tố là vật chất và con người cho sự nghiệp truyền bá Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc. Sở dĩ Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc thời Minh - Thanh trải qua bao lần cấm giáo ở các triều đại mà vẫn phát triển rầm rộ như vậy, nguyên nhân vô cùng quan trọng chính là dựa vào vai trò của Ma Cao./.

Người dịch: Vũ Thị Thu Hà

Chú thích:

1. *Tạp chí*. Quyển 2, chương 3, trang 146.
2. Louis Pfister. *Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục*. Tập 1 số 34 (truyện Zhongmingli) trang 127.
3. Henri Bernard (Pháp). *Truyện linh mục Matteo Ricci*. Tập 2, chương 8, trang 466, Thương vụ ấn thư quán dịch, năm 1998.
4. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 49 (truyện J.A.S Von Beli) trang 178.
5. Cao Nhữ (Minh). *Hoàng minh pháp truyền lục tục kỉ*. Quyển 13 (Thái thư Trần Hy Xương) trang 13.
6. Lâm Gia Tuấn. *Diễn biến lịch sử của giáo phận Ma Cao*: bài *Ghi chép những chuyện lớn ở giáo phận Ma Cao*, trang 51.
7. In Quang Nhiệm, Trương Nhữ Lâm (Thanh). *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*. Quyển thượng (Thiên quan thú) trang 82, Sở Văn hoá Ma Cao hiệu đính và chú thích, năm 1992.
8. Trương Chấn Đào (Thanh). *Bàn về việc chế ngự người nước ngoài*, đăng trên (Tiểu Phương Hồ Trai và Địa Tòng Sao) chương 9, trang 331, Nhà sách cổ tịch Hàng Châu, Quang Tự năm Tân Mão.
9. Lâm Gia Tuấn. *Diễn biến lịch sử của giáo phận Ma Cao*, trang 51 viết: xây năm 1602; M. Teixeira. *400 năm Dòng Tên ở Ma Cao*, trang 10 (Ma Cao, năm 1964) viết: xây năm 1643; *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*, quyển thượng (Thiên quan thú) trang 82 viết: xây năm Khang Hy thứ 18 (1679), năm Khang Hy thứ 58 (1719) mở rộng, trên thực tế là không ngừng quá trình mở rộng, để đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp Thiên Chúa giáo tại Trung Quốc lúc đó.
10. Việc đến Ma Cao theo đạo kể trên được lấy trong truyện các nhân vật trong sách của Phương Hào, Louis Pfister, Joseph Dehergue và *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*, quyển 1, trang 81.
11. Triệu Nhĩ Soạn (Thanh). *Bản thảo lịch sử nhà Thanh*. Quyển 291 (Truyện Tiêu Kỳ Niên), Trung hoa thư cục, năm 1974.
12. Quách Nhữ Thành (Thanh). *Huyện chí huyện Thuận Đức*. Quyển 32 <Tập chí> Trang 11, Thanh Hàm Phong năm Nhâm Tí.
13. *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*. Quyển thượng (thiên quan thú) trang 75.
14. *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*. Quyển thượng (thiên quan thú) trang 81.
15. Bạo Dục (Thanh). *Huyện chí huyện Hương Sơn*. Quyển 8 (hào kính áo) trang 362, Văn hiến Trung Sơn, năm Càn Long thứ 15.
16. *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*. Quyển thượng (thiên quan thú) trang 94.
17. Trương Chấn Đào (Thanh). *Bàn về tình hình Ma Cao*, đăng trên *Tiểu Phương Hồ Trai và Địa Tòng Sao*, chương 9, trang 320.
18. Tổng tập. Tập 1 đã giới thiệu hồ sơ những người theo đạo.
19. *Ghi chép thực về Nhân Tôn Gia Khánh đời nhà Thanh*. Quyển 152, mục Tân Dậu tháng 11 năm Gia Khánh thứ 10.
20. *Ghi chép thực về Nhân Tôn Gia Khánh đời nhà Thanh*. Quyển 284, mục Ất Tị tháng 2 năm Gia Khánh thứ 19.
21. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1046, trang 526.
22. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1047, trang 527.
23. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1048, trang 528.
24. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1051, trang 529.
25. Phương Hào. *Truyện nhân vật lịch sử Thiên Chúa giáo Trung Quốc*. Tập 1 (Truyện Trương Chiêu Gia, Thẩm Tập Huy), (Truyện Kim Thế Đạt, Thẩm Bang Quảng) trang 242 – 428 và Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 411, trang 636.
26. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1053, trang 530.
27. Anders Ljungstede. *Lịch sử Ma Cao tảo kì*. Thiên 1, chương 4, trang 42.
28. *Hồ sơ tháp Đông Ba*. Tập 1, số 1051, trang 529.
29. Rất nhiều giáo sĩ phương Tây vào Trung Quốc bị bệnh mất sớm, theo sách của Louis Pfister ghi chép có tổng cộng có 51 người. Louis Pfister thu thập được 467 truyện nhân vật, trừ đi 178 người Hoa, người không có năm sinh và năm mất và những người chết vì già yếu, còn số thực là 280 người. Những người chết trước tuổi 45 chiếm 16 %, điều này cho thấy con số giáo sĩ truyền giáo phương Tây ở Trung Quốc bị chết khi còn trẻ là không ít.
30. *Ghi chép của Matteo Ricci ở Trung Quốc*, trang 310; *Tập thư từ của Matteo Ricci*, trang 134 và truyện các nhân vật kể trong sách của Louis Pfister, Joseph Dehergne.
31. Quách Vĩnh Lượng. *Quan hệ Ma Cao Hongkong thời kì đầu*, chương 5, trang 72.
32. Diogo Caldeira Rego. *Kí sự về việc xây dựng và phát triển Ma Cao*, trang 147.
33. Bentriz Basto da Silva. *Ma Cao biên niên sử*, bài: *Ma Cao thế kỉ 17*, trang 60.
34. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 307, trang 487.
35. *Ghi chép sơ lược về Ma Cao*. Quyển hạ (thiên áo phan) trang 182.
36. Chỉ có *Truyện đạo học gia* ghi chép những giáo sĩ truyền giáo nổi tiếng cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh, có mười mấy người truyền giáo ở Trung Quốc lục địa nhưng đến cuối đời lại sống ở Ma Cao và qua đời ở đó. Tham khảo: Chung Minh Đán (biên soạn). *Văn hiến Thiên Chúa giáo thời Minh- Thanh*

trong kho sách Từ gia. Tập 3, *Truyện đạo học gia*, trang 1025-1228, Đài Bắc, Viện Thần học Đại học Phu Nhân, năm 1996. Louis Pfister. *Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục*. Tập 2, số 306 (truyện Từ Mậu Thịnh) trang 677: “Các giáo sĩ truyền giáo cũng bí mật đi các tỉnh, vì Mậu Thịnh tuổi cao, không thể đi được, bèn trở về Ma Cao.” *Truyện Kháng Mạnh Đức*, trang 645: “Vì tuổi đã cao, đành trở về Ma Cao”.

³⁷. Tham khảo: Louis Pfister. Sđd, truyện Andre Thony, Alvare de Semedo, ...

³⁸. Ghi chép thực về Nhân Tôn Gia Khánh đời nhà Thanh. Quyển 290, mục Giáp Ngọ tháng 5 năm Gia Khánh thứ 19.

³⁹. Trương Lực, Lưu Giám Đường. *Lịch sử vụ án tôn giáo Trung Quốc*, chương 1, trang 37, Nhà xuất bản Viện Khoa học xã hội Tứ Xuyên, năm 1987.

⁴⁰. Wei Tsingsing. *Chính sách truyền giáo của Pháp đối với Trung Quốc*, chương 1, trang 86.

⁴¹. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 9 (Matteo Ricci) trang 33.

⁴². Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 31 (Emmanuel Diaz) trang 113.

⁴³. Phương Hào. *Truyện nhân vật lịch sử Thiên Chúa giáo Trung Quốc*. Tập 2 (Truyện Duy Văn Thao) trang 146.

⁴⁴. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 68 (Benoit de Mattos) trang 213.

⁴⁵. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 45 (Franciscus Furtado) trang 157.

⁴⁶. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 129 (Manuel de Frank), số 130 (Joseph de Young), số 131 (Jacques le Laks), số 232 (Luogebo) trang 365 - 366.

⁴⁷. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 159 (Mengyouyi) trang 399.

⁴⁸. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 321 (Almaer) trang 730, số 325 (Jean de Newman) trang 751, số 834 (Franciscu Guo) trang 867.

⁴⁹. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 311, trang 494.

⁵⁰. Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 19 (Pantoja Jacques de Didacede) trang 75.

⁵¹. Tham khảo truyện các nhân vật đã dẫn trong: Louis Pfister. *Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục và Thánh triều phá tà tập*, quyển 1.

⁵². Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 37, trang 82.

⁵³. Joseph Dehergne. *Giáo sĩ Dòng Tên tại Trung Quốc liệt truyện và thư mục bổ sung*. Tập 1, số 529; An Đạo Nghĩa, trang 218, 298; Juliangshi, trang 419, tập 2, số 622; Joseph de Viegas, trang 494 và Louis Pfister. Sđd. Tập 1, số 225, trang 500.

⁵⁴. Joseph Dehergne. Sđd. Tập 2, số 809 (Manuel de Socinus) trang 643.

⁵⁵. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 90, trang 135.

⁵⁶. Louis Pfister. Tập 2, số 308 (Andre thony) trang 679, số 289 (Burisheng) trang 639 và Joseph Dehergne tập 2 số 733 (Jean de Young) trang 587.

⁵⁷. Những tài liệu ghi chép về những giáo sĩ phương Tây ở Quảng Châu bị trục xuất đến Ma Cao năm Ung Chính thứ 10 có nhiều điểm khác biệt. Theo: Joseph Dehergne. Sđd, chương 2 (Đại sự niên biểu), tổng cộng có 30 người. Số người trong hồ sơ nhà Thanh và trong sách của Joseph Dehergne giống nhau. Còn theo Bentriz Basto da Silva trong cuốn *Ma Cao biên niên sử*, bài *Ma Cao thế kỷ 18*, trang 118, tổng cộng có 40 giáo sĩ truyền giáo, nhiều hơn tài liệu trên 10 người. Trong sách của Wei Tsingsing. *Niên giám* quyển thứ 20, đưa ra con số 35 giáo sĩ, so với tài liệu trên lại ít hơn 5 người, không biết nguyên nhân tại sao, đang chờ nghiên cứu.

⁵⁸. Theo Joseph Dehergne. Sđd, chương 2 (Biểu thống kê những tôn giáo thù địch chủ yếu) trang 852 công bố chỉ có 27 người, thiếu 3 người. Nhưng trong Tổng tập, hồ sơ số 125 cho thấy còn có 12 giáo sĩ phương Tây bị bắt cùng với Francois de Corder nhưng không rõ họ thuộc Dòng tu nào. Trong một số sách khác cũng có thể tìm thấy một số giáo sĩ bị trục xuất đến Ma Cao năm 1732.

⁵⁹. Trương Trạch. *Thiên Chúa giáo thời kì cấm giáo của triều đại Nhà Thanh*, chương 3 (Thiên Chúa giáo dưới thời cấm giáo Càn Long) trang 131.

⁶⁰. Joseph Dehergne. Sđd, tập 2, số 789 (Von Bell Delamarre) trang 631 và Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 304, trang 484.

⁶¹. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 194, trang 288, hồ sơ số 195, trang 290 và Trương Trạch. Sđd, chương 3 (Thiên Chúa giáo dưới thời cấm giáo Càn Long) trang 135.

⁶². Louis Pfister. Sđd. Tập 2, số 382 (Feideni) trang 864, số 395 (Joseph Ferran) trang 909, số 39 (Antony Thomat) trang 915, số 405 (Joseph Lin) trang 919 và số 402 (Manuel Wei) trang 917. 5 người này trong Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 192 và số 196 trang 185 - 293 là “Jose de Araujo, Manuel de Viegas, Antony Thomat, Feideni, Joseph de Viegas”.

⁶³. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 215, trang 334 và Trương Trạch. Sđd, phụ lục 1 (Niên biểu những sự kiện lớn của Thiên Chúa giáo thời kì cấm giáo của triều đình nhà Thanh) trang 238.

⁶⁴. Tổng tập. Tập 1, hồ sơ số 251, trang 394.

⁶⁵. Phương Hào. *Truyện nhân vật lịch sử Thiên Chúa giáo Trung Quốc*. Tập 2, (Lý Đa Lâm, Phùng Nhược Vọng) trang 140.